

Số: 288/2019/DS-PT

Ngày: 27/9 và 02/10/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Với Th2 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Ông Đỗ Minh Hoàng

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương L, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Mai Thanh -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27/ 9 và 02/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 276/2019/QĐPT ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Lê Thị TH, sinh năm 1969 (*có mặt*);

Địa chỉ: thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn:

Công ty cổ phần LDATVN

Trụ sở: quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Thái Thị L - Giám đốc (*có mặt*);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Qu - Luật sư Văn phòng luật sư GB - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (*ông Qu vắng mặt*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Văn V (*vắng mặt*);

Địa chỉ: phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;

2. Ông Lê Văn Th1 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội

3. Ông Nguyễn Văn Th2 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Ông Nguyễn Văn T2 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: quận Cầu Giấy, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Lê Thị TH trình bày:

Bà Th là đại lý bán sơn của Công ty cổ phần LDATVN (gọi tắt là Công ty LDATVN) từ nhiều năm, ngày 15/4/2012 bà Th và Công ty LDATVN ký hợp đồng góp vốn số 04/2012, trên cơ sở đó bà Th đã nộp đủ số tiền vốn góp 1.600.000.000đồng. Nội dung hợp đồng góp vốn thỏa thuận, bà Th có nghĩa vụ góp tiền vốn, Công ty LDATVN có trách nhiệm bảo toàn, sử dụng kinh doanh và cam kết trả cho bà Th tiền lãi hàng năm, lợi nhuận cố định là 40% của số tiền vốn góp. Hai bên không có thỏa thuận việc bà Th sẽ là cổ đông của Công ty. Từ khi ký hợp đồng các bên chưa có sửa đổi hợp đồng, giảm tỷ lệ lãi suất hoặc chấm dứt trả lợi nhuận cố định này.

Thực chất bà Th có nhận làm đại lý sơn cho Công ty LDATVN từ khoảng năm 2009, hai bên không ký hợp đồng đại lý, chính từ việc làm đại lý cho Công ty nên bà Th quen bà L và ông T2. Giai đoạn năm 2011 do kinh doanh gặp nhiều khó khăn, ông T2 có nhiều lần vay bà Th tiền để đầu tư vào kinh doanh cho Công ty, khi vay hai bên có viết giấy vay nợ với nhau. Tháng 4/2012 sau khi bàn bạc thống nhất, các bên tổng hợp số tiền cả nợ gốc và lãi Th2 1,6 tỉ đồng. Để không phải thanh toán ngay số tiền ông T2 nợ bà Th nên ông T2 và bà L thống nhất ký hợp đồng góp vốn như trên. Khi ký hợp đồng góp vốn đã thỏa thuận toàn bộ số nợ mà ông T2 vay đã được chuyển vào Công ty cổ phần LDATVN nên những giấy biên nhận nợ mà ông T2 đã trực tiếp ký nhận với bà Th vào các ngày 04/01/2011 ông T2 vay số tiền 300.000.000đồng; ngày 18/3/2011 ông T2 vay số tiền 500.000.000đồng, cả hai giấy biên nhận đều ghi rõ số tiền vay với mục đích để kinh doanh và sản xuất sơn.

Việc bà Th giao tiền cho ông T2 và ký hợp đồng góp vốn ngày 15/4/2012, vào thời điểm đó ông T2 là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty còn bà L là Giám đốc Công ty mà ông T2 và bà L còn là vợ chồng nên việc giao tiền cho ông T2 hay bà L cũng là của Công ty LDATVN. Việc ông T2, bà L ly hôn là để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Sau khi ký hợp đồng góp vốn Công ty LDATVN đã nhiều lần thanh toán tiền lãi cho bà Th, tổng cộng là 147.000.000đồng, các lần thanh toán đó đều do con trai bà Th đến nhà bà L nhận, bà Th không ký nhận với bà L nên bà Th không có tài liệu gì để chứng minh.

Bà L trình bày không biết số tiền bà Th cho ông T2 vay; Công ty LDATVN không nhận của bà Th đồng nào và bà L ký hợp đồng là do ông T2 bảo bà L ký nên bà L mới ký như vậy là không đúng. Bà L phải chịu trách nhiệm về chữ ký của mình trong hợp đồng góp vốn ngày 15/4/2012.

Kể từ năm 2014 bà Th không nhận được khoản tiền gốc và lãi nào khác, bà Th đã nhiều lần đến Công ty yêu cầu và thông báo đến giám đốc Công ty là bà Thái Thị L, nhưng bà L đại diện Công ty LDATVN không thanh toán, vì vậy bà Th khởi kiện yêu cầu Công ty LDATVN trả lại số tiền bà Th đã góp vốn là 1.600.000.000đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 15/01/2018 là 1.840.000.000đồng. Tổng cộng là 3.440.000.000đồng.

Bị đơn - Công ty Cổ phần LDATVN (gọi tắt là Công ty LDATVN) do bà Thái Thị L là người đại diện theo pháp luật của Công ty trình bày:

Vào khoảng tháng 4/2012, tại nhà riêng của bà L và ông Nguyễn Văn T2 tại số 97A đường K3, Cầu Diễn, ông T2 có đưa cho bà L một hợp đồng và yêu cầu bà L ký đóng dấu với tư cách là Giám đốc Công ty LDATVN, khi ký bà L cũng không đọc nội dung. Nay, Bà Lê Thị TH khởi kiện thì bà L mới biết đây là hợp đồng góp vốn số 04/2012/HĐGV-ATP ngày 15/4/2012. Nội dung của hợp đồng là bà Th góp vốn vào Công ty LDATVN với số tiền 1.600.000.000đồng. Thời hạn góp vốn là 12 tháng kể từ ngày góp đủ vốn, tức là ngày 15/4/2012. Mục đích góp vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty LDATVN. Hai bên thỏa thuận mức lợi nhuận cố định là 40%/năm, được thanh toán 12 tháng một lần. Thời điểm ký có ông Đỗ Văn V là bạn của ông Nguyễn Văn T2 chứng kiến. Sau khi ký, đóng dấu, bà L và Công ty LDATVN không được nhận số tiền 1.600.000.000đồng từ bà Th trước cũng như sau khi ký Hợp đồng nêu trên. Tuy nhiên, bà L cũng không có chứng cứ gì chứng minh sự ép buộc của ông T2 buộc bà L phải ký hợp đồng trên để xuất trình cho Tòa án.

Về thủ tục góp vốn: Việc góp vốn đối với số tiền 1.600.000.000đồng bà L và Công ty LDATVN không được nhận số tiền này, đồng thời, bà L cũng không nhận được các văn bản theo quy định của Hội đồng quản trị Công ty, vì vậy bà L không chấp nhận yêu cầu của bà Th vì bà Th không xuất trình được tài liệu chứng minh mình đã góp vốn và trở Th2 cổ đông của Công ty theo các tài liệu lưu giữ tại Công ty. Bà L cũng không xuất trình tài liệu gì chứng minh việc bà Th cho ông Nguyễn Văn T2 vay tiền. Từ năm 2012 đến nay, bà L chưa bao giờ thanh toán cho bà Th bất kỳ khoản tiền

lãi nào nên bà L không thừa nhận đã trả số tiền lãi 147.000.000đồng cho bà Th, bà L cũng không đòi khoản tiền lãi đã trả như bà Th trình bày.

Đối với tài liệu là 02 Hợp đồng vay và cho vay tiền ngày 04/01/2011, ngày 18/03/2011 không có giá trị đối với Công ty LDATVN. Bà L cho rằng, đây là hợp đồng vay cá nhân của ông T2, trong hợp đồng chỉ có chữ ký của ông T2 mà không có chữ ký và dấu của người đại diện theo pháp luật của Công ty, bà L không chịu trách nhiệm về hai bản hợp đồng vay tiền đó.

Nay bà Th khởi kiện, bà L yêu cầu bác đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc trả số tiền góp vốn 1.600.000.000đồng, tiền lãi là 1.840.000.000đồng cho bà Th và yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng số 04/2012/HĐGV-ATP ngày 15/4/2012 và giải quyết hậu quả pháp lý của Hợp đồng trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Ông Nguyễn Văn Th2 trình bày:

Ông Th2 là cổ đông sáng lập của Công ty LDATVN kể từ khi Th2 lập. Từ năm 2012 đến nay, Công ty LDATVN chưa bao giờ phải huy động vốn cũng như kết nạp thêm cổ đông mới. Hàng năm, đều họp đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty LDATVN chưa bao giờ bàn về kết nạp Th2 viên mới đặc biệt là Bà Lê Thị TH. Nay bà Th khởi kiện Công ty, ông Th2 mới biết có Hợp đồng góp vốn số 04/2012/HĐGV-ATP ngày 15/4/2012. Trong nội dung của Hợp đồng có ghi phần tiền Công ty nhận góp vốn là 1.600.000.000đồng, thời hạn góp vốn ít nhất là 12 tháng kể từ ngày góp vốn theo cam kết tại Điều 1 của Hợp đồng, lãi suất bằng 40%/năm. Việc ký kết hợp đồng nêu trên ông Th2 không biết. Đặc biệt từ năm 2012, Công ty LDATVN không có ai tên là Th yêu cầu trực tiếp hay bằng văn bản yêu cầu Công ty phải thanh toán tiền gốc cũng như tiền lãi cho khoản vay theo Hợp đồng góp vốn số 04/2012/HĐGV-ATP ngày 15/4/2012. Trong báo cáo tài chính, hoạt động hàng năm, Công ty LDATVN không có khoản chi tiền trả lãi hoặc công nợ cho bà Th. Do đó, Hợp đồng số 04/2012/HĐGV-ATP ngày 15/4/2012 là không có thật, bà Th dựng khống lên, đặc biệt phía Công ty LDATVN không nhận được số tiền 1.600.000.000đồng trực tiếp từ bà Th cũng như gián tiếp qua nguồn khác như nội dung của hợp đồng.

- Đối với tài liệu là 02 Hợp đồng vay và cho vay tiền ngày 04/01/2011, ngày 18/03/2011 không có giá trị đối với Công ty LDATVN. Đây là hợp đồng vay cá nhân của ông T2, trong hợp đồng chỉ có chữ ký của ông T2 mà không có chữ ký của người đại diện theo pháp luật cũng như có con dấu của Công ty.

Đề nghị bác đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc trả số tiền góp vốn 1.600.000.000đồng và tiền lãi là 1.840.000.000đồng cho bà Th và yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng số 04/2012/HĐGV-ATP ngày 15/4/2012.

2. Ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Ông T2 có biết việc ký kết hợp đồng góp vốn số 04/2012/HĐGV-ATP ngày 15/4/2012 giữa bà Th và Công ty LDATVN. Thực chất ông T2 có nợ của ông Đỗ Xuân Việt số tiền 1.600.000.000đồng, ông Việt lại nợ bà Th số tiền 1.600.000.000đồng, vì chưa có tiền trả cho ông Việt, ông Việt chưa có tiền trả cho bà Th nên ông T2 và ông Việt đã bàn nhau về việc làm thủ tục để bà Th góp vốn vào Công ty LDATVN (lúc đó ông T2 và bà L đang còn là vợ chồng, ông T2 là cổ đông, Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty LDATVN) để bà Th không đòi nợ ông Việt nữa. Do sợ ảnh hưởng tình cảm vợ chồng nên bà L đã đồng ý ký vào Hợp đồng góp vốn. Thực tế, Công ty LDATVN không nhận được tiền từ bà Th. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, ông T2 đề nghị Tòa án cho thêm thời gian để bàn phương án giải quyết khoản nợ của bà Th trong thời gian khoảng 08 ngày. Nếu sau đó mà không thỏa thuận được đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. Ông Lê Văn Th1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt vì cho rằng không còn hoạt động tại công ty nữa nên đề nghị Tòa án không triệu tập ông đến làm việc (BL 346).

4. Ông Đỗ Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai và tiến hành phiên hòa giải đối với ông Việt được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST, ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội đã xét xử:

1. Xử: Hợp đồng góp vốn số 04/2012/HĐGV-ATP ký ngày 15/4/2012 giữa Công ty cổ phần LDATVN Việt Nam và Bà Lê Thị TH vô hiệu do giả tạo. Hợp đồng góp vốn số 04/2012/HĐGV-ATP ngày 15/4/2015 vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của Bà Lê Thị TH và Công ty cổ phần LDATVN kể từ thời điểm xác lập.

Không đặt ra trách nhiệm buộc Công ty cổ phần LDATVN phải khôi phục tình trạng ban đầu và hoàn trả cho bà Th số tiền 1.600.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay tiền giữa Bà Lê Thị TH và ông Nguyễn Văn T2 có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Văn T2 và bà Thái Thị L thanh toán cho Bà Lê Thị TH số là 2.548,480.000đ (trong đó nợ gốc là 1.600.000.000đ và nợ lãi là 948.480.000đ). Kỳ phần của ông T2 và bà L mỗi người phải trả bà Th số tiền là 1.274.240.000đ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T2 và bà Thái Thị L mỗi người phải chịu 50.227.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền 19.200.000đồng (mười chín triệu hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí cho Bà Lê Thị TH theo biên lai thu số 5579 ngày 28/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, **ngày 06/12/2018**, bà L có đơn kháng cáo với tư cách là người đại diện cho Công ty LDATVN - bị đơn trong vụ án, nội dung kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm buộc bà L và ông T2 phải trả cho bà Th cả gốc và lãi 2.548.480.000đồng và phải chịu án phí là không đúng.

Ngày 21/12/2018, Toà án nhân dân quận Cầu Giấy nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung, Toà án cấp sơ thẩm buộc ông T2 và bà L phải trả cho bà Th cả gốc và lãi 2.548.480.000đồng là không đúng, đề nghị xét xử phúc thẩm lại.

Sau khi nhận được đơn kháng cáo của ông T2, Toà án cấp sơ thẩm đã ra Thông báo số 53/TB-TA ngày 26/12/2018, về việc yêu cầu ông T2 phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên hết thời hạn thông báo, ông T2 không nộp tiền tạm ứng án phí nên ngày 31/01/2019, Toà án nhân dân quận Cầu Giấy đã ra thông báo số 01/TB-TA trả lại đơn kháng cáo cho ông T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Bà Lê Thị TH giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Thái Thị L là người đại diện theo pháp luật của Công ty LDATVN là bị đơn trong vụ án giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Lưu ý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên có gửi bài phát biểu. Trong phần luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đã đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ; xác định tư cách tố tụng không đúng; giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không buộc nguyên đơn phải chịu án phí...

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phân tích, Toà án cấp sơ thẩm có một số thiếu sót như không đưa bà L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan; tuyên hợp đồng vay tiền giữa bà Th và ông T2 có hiệu lực pháp luật là không đúng vì như vậy là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện; ông T2 và bà L đã ly hôn nhưng chưa giải quyết về tài sản nên việc chia kỷ phần mỗi người phải trả cho bà Th số tiền 1.274.240.000đồng là không đúng; đối với số tiền 891.520.000đồng là yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận thì phải buộc nguyên đơn bà Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trên cơ sở đó đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm để bổ sung những thiếu sót nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Bà Thái Thị L có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ.

- Ông Nguyễn Văn T2 có đơn kháng cáo nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí, Toà án cấp sơ thẩm trả lại đơn kháng cáo cho ông T2 là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có đơn kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

2. Về Nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà L kháng cáo với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty LDATVN (Bị đơn), nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết đảm bảo quyền lợi cho cá nhân bà L vì cho rằng khoản tiền 1.600.000.000đồng chỉ mình ông T2 (chồng bà L) vay của bà Th, bà L không biết việc vay nợ này, nay bà và ông T2 đã ly hôn nên bà không có nghĩa vụ phải trả nợ chung cùng với ông T2.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng góp vốn số 04/2012/HĐGV-ATP ký ngày 15/4/2012 giữa Công ty LDATVN và Bà Lê Thị TH vô hiệu do giả tạo nhằm che giấu quan hệ vay tiền giữa bà Th với ông T2, bà L nên không buộc Công ty LDATVN phải có nghĩa vụ trả bà Th khoản tiền 1.600.000.000đồng và lãi suất theo yêu cầu khởi kiện, mà buộc cá nhân bà Thái Thị L và ông Nguyễn Văn T2 phải thanh toán trả cho bà Th số tiền là 2.548.480.000đồng theo kỷ phần mỗi người ½ (gồm số tiền 1.600.000.000đồng tiền gốc và 948.480.000đ tiền lãi).

Tuy nhiên trong bản án lại không xác định và đưa bà Thái Thị L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Quyết định của bản án buộc bà L phải chịu nghĩa vụ chung với ông T2 trả nợ cho bà Th là không thể thi hành án được.

Do việc không đưa bà L vào tham gia tố tụng trong vụ án nên bà L không có quyền kháng cáo với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại cấp phúc thẩm cũng như phiên toà phúc thẩm, bà L không đồng ý bổ sung vào tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm nên không thể sửa bản án sơ thẩm để bổ sung và đưa bà L vào tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Phần tuyên án và xác định án phí

- Bản án sơ thẩm tuyên hợp đồng vay tiền giữa bà Th và ông T2 có hiệu lực pháp luật là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện. Nếu có căn cứ xác định ông T2 vay tiền của bà Th như lời trình bày của bà Th được ông T2 xác nhận thì phải xác định là những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 80 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về án phí: Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông T2 và bà L phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền 2.548.480.000đồng, tuy nhiên lại không buộc bà Th phải chịu án phí đối với số tiền $3.440.000.000\text{đồng} - 2.548.480.000\text{đồng} = 891.520.000\text{đ}$ là số tiền không được chấp nhận là không đúng.

Với những thiếu sót nêu trên của Toà án cấp sơ thẩm, tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Do vậy để đảm bảo quyền được kháng cáo và được xét xử hai cấp theo đúng quy định của pháp luật. Toà án cấp phúc thẩm phải huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại từ đầu, trên cơ sở đó đưa bà Thái Thị L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác minh và làm rõ trách nhiệm cũng như nghĩa vụ của bà L trong việc giải quyết vụ án.

Về án phí: Do huỷ bản án sơ thẩm nên Bị đơn Công ty cổ phần LDATVN không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét sau khi Toà án nhân dân quận Cầu Giấy giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Huỷ bản án Dân sự sơ thẩm số 40/2019/DSST, ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

2. Về án phí:

Bị đơn Công ty cổ phần LDATVN không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần LDATVN do bà Thái Thị L là người đại diện theo pháp luật số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp theo biên lai số 0006519, ngày 10/12/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Cầu Giấy.

Số tiền 19.200.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Bà Lê Thị TH đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, theo Biên lai thu số 0005579, ngày 28/12/2017 được giữ lại để giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Thu Nam